TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2018/HNGĐ - ST
Ngày 18-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Huy Hoàng;

Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký Tòa án: Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn – Kiểm sát viên trung cấp

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2017/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm N, sinh năm 1977; hiện cư trú: Lubalnská 146/146 Vinohrady Praha 2-12000 Cộng hòa Séc; Tạm trú: Thôn Phí Xá, xã Lê Thiện, huyện An Dương, Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Trần H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 10/77/96 phố Chợ Hàng, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Chị Nga vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hùng có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Phạm N trình bày: Chị và anh Trần H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 31/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì chị Nga quay về Cộng hòa Séc làm ăn sinh sống. Do quá trình tìm hiểu quá

ngắn dẫn đến vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống. Nay xác định tình cảm không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần H.

- Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án anh Trần H trình bày:

thống nhất về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung, tài sản chung như chị Phạm N đã trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định không còn tình cảm với chị Phạm N.

Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về kinh tế: Anh chị có vướng mắc về kinh tế nhưng anh Trần H không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Vì điều kiện chị Phạm N về Việt Nam được ít ngày, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị nên theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần H trình bày: Anh và chị Nga kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 31/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà anh được 1 tháng thì chị Nga trở về Cộng hòa Séc. Sau đó vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Về tình cảm anh xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh có nguyện vọng được gặp mặt chị Nga để làm rõ 1 số vấn đề về kinh tế nhưng anh không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Về con chung, tài sản chung vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về sự vắng mặt của chị Phạm N: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nga có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật

- Về nội dung vụ án: Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Hùng xác định tình cảm giữa anh và chị không có do quá trình tìm hiểu dẫn đến hôn nhân quá ngắn. Anh và chị Nga kết hôn từ tháng 10 năm 2016 nhưng đến tháng 2 năm 2017 chị Nga đã có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân

dân thành phố Hải Phòng vì chị cho rằng nguyên nhân chủ yếu do khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh cũng xác định không còn tình cảm với chị Phạm N do đó căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nga.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm N được ly hôn với anh Trần H

Về con chung, tài sản chung: Anh và chị Phạm N thống nhất trình bày không có con chung, tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Trần H đề nghị gặp chị Phạm N để làm rõ 1 số vấn đề có liên quan đến kinh tế. Tuy nhiên anh Hùng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này, do đó nếu anh Hùng có yêu cầu giải quyết vướng mắc về kinh tế với chị Nga thì anh Hùng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Về án phí: Chị Nga là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc hôn nhân của chị. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Phạm N là nguyên đơn hiện đang cư trú tại Cộng hòa Séc vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Chị Phạm N và anh Trần H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 31/10/2016, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được một thời gian ngắn thì chị Phạm N quay về Cộng hòa Séc làm ăn sinh sống. Do xa cách về địa lý vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, lối sống, khả năng đoàn tụ không còn. Nay cả chị Nga và anh Hùng đều xác định tình cảm

không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nga đề nghị xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm N và anh Trần H mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không tồn tại; cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Nga.

[4] Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về kinh tế theo anh Trần H trình bày có vướng mắc về kinh tế nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa anh không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu anh Trần H có yêu cầu thì anh có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo chị Phạm N và anh Trần H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm N

Về hôn nhân: Chị Phạm N được ly hôn anh Trần H.

Về con chung, tài sản chung: Chị Phạm N và anh Trần H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003927 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nga đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo:

+ Chị Phạm N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

+ Anh Trần H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Lê Chân TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Huy Hoàng Trần Đăng Khoa **Phạm Văn Phích**